

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa  
chị Ngọc và anh Bình.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Đức B, sinh năm 1986; địa chỉ: xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đức B tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã được UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ

chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Mặt khác anh **B** chơi bời cá độ bóng đá không quan tâm chăm lo cho gia đình, đi làm nhưng không đưa tiền về để cho chị chăm sóc nuôi dưỡng con, trong khi đó chị đã khuyên can và tạo cơ hội cho anh **B** rất nhiều lần nhưng anh **B** không nghe mà chứng nào tật ấy. Chán nản cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc từ tháng 10 năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh **Vũ Đức B**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Vũ Ngọc Thiên H** sinh ngày 22/01/2013 và **Vũ Mai Hoàng A**, sinh ngày 26/11/2020; hiện hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh **B** phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không được nuôi cả hai con chị xin nhận nuôi con **Hoàng A**, để anh **B** nuôi con **H** hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm ở **Công ty TNHH Đ** ở Hà Nội, mức thu nhập bình quân khoảng 22.000.000đ.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết..

*Theo bị đơn anh **Vũ Đức B** trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** trình bày về quan hệ hôn nhân là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra do kinh tế vợ chồng không thống nhất, trong quá trình làm ăn kinh tế anh đầu tư bị thua lỗ dẫn đến chán nản gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đôi bên gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả. Từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm chưa đến mức phải tan vỡ hạnh phúc gia đình, anh mong muốn chị **Ngọc suy n** lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường hợp chị **N** quyết tâm xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị **N** trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn nguyện vọng của anh cũng xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị **N** phải cấp dưỡng. Không được nuôi cả hai con thì anh xin nhận nuôi con **Hoàng A**; hiện anh đang làm quản lý cho xưởng may của **Công ty TNHH M** ở **xã X**, mức thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng, ngoài ra anh có cửa hàng bán hàng tại nhà.

Về tài sản; Anh không yêu cầu Tòa án xem xét.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại **UBND xã X**:*

Anh **Vũ Đức B** và chị **Mai Thị N** là người có hộ khẩu tại **xóm C, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**.

\* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Mai Thị N** và anh **Vũ Đức B** tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã **X**, huyện **X**, tỉnh **Nam Định** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/9/2011. Chị **N** và anh **B** mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặt khác, theo thông tin dư luận thì anh **Vũ Đức B** không quan tâm đến vợ con, chơi bời cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần. Nay chị **N** xin ly hôn anh **B**, anh **B** không nhất trí. Căn cứ vào lời trình bày của chị **N** cũng như thực trạng hôn nhân giữa các bên, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị **N** được ly hôn anh **B** là phù hợp.

\* *Về con chung:* Chị **N** và anh **B** có 2 con chung tên là **Vũ Ngọc Thiên H**, sinh ngày 22/01/2013 và **Vũ Mai Hoàng A**, sinh ngày 26/11/2020. Nay ly hôn chị **N** và anh **B** đều có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng. Trong trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị **N** xin nhận nuôi cháu **Hoàng A**, còn để anh **B** nuôi cháu **H**; anh **B** cũng xin nhận nuôi con **Hoàng A**. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật, cũng như điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con của các bên và nguyện vọng của con chung, để giao con; căn cứ vào nguyện vọng của cháu **H** xin ở với bố cũng như cháu **Hoàng A** còn nhỏ cần sự có sự quan tâm của người mẹ hơn, vì vậy Tòa án giao con cho ai được nuôi thì căn cứ vào quy định của pháp luật.

\* *Về tài sản:* Ở địa phương chị **N** và anh **B** không có tài sản gì, chị **N** và anh **B** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật;

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị **Mai Thị N** và anh **Vũ Đức B**.

Về con chung: Giao cho chị **Mai Thị N** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con **Vũ Mai Hoàng A**, sinh ngày 26/11/202. Giao cho anh **Vũ Văn B1** trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con **Vũ Ngọc Thiên H**, sinh ngày 22/01/2013. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị **N**, anh **B1** không yêu cầu Tòa án xem xét là phù hợp

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh chấp thành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mai Thị N** và anh **Vũ Đức B** kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lồi lõm sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Nay chị **N** xin ly hôn anh **B** không nhất trí. Anh **B** không nhất trí ly hôn, xét thấy anh **B** không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng trong khi đó chị **N** quyết tâm xin ly hôn. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **B** thì mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **B** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị **N** xin ly hôn anh **B** là phù hợp với thực tế và pháp luật nên HĐXX xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** được ly hôn đối với anh **B** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Mai Thị N** và anh **Vũ Đức B** có 02 con chung là **Vũ Ngọc Thiên H**, sinh ngày 22/01/2013 và **Vũ Mai Hoàng A**, sinh ngày 26/11/2020. Khi ly hôn cả chị **N** và anh **B** cùng có nguyện vọng xin được nhận nuôi cả hai con, trường hợp không được nuôi cả hai con chị **N** xin nhận nuôi con **Hoàng A**, còn để anh **B** nuôi con **H**, anh **B** cũng xin nhận nuôi con **Hoàng A**, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị **N** và anh **B** cùng có nguyện vọng nuôi cả hai con, căn cứ vào điều kiện khả năng kinh tế mức thu nhập của các bên và để đảm bảo cuộc sống, tương lai của các cháu, nguyện vọng của cháu **Thiên H** xin được ở với anh **B**, còn cháu **Hoàng A** con nhỏ cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy, HĐXX sẽ giao cho mỗi người nuôi một con cụ thể là chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng con **Hoàng A**, anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng con **Thiên H**, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản; Chị **N** và anh **B** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Mai Thị N** và anh **Vũ Đức B**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Mai Thị N** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con **Vũ Mai Hoàng A**, sinh ngày 26/11/2020. Giao cho anh **Vũ Đức B** trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con **Vũ Ngọc Thiên H**, sinh ngày 22/01/2013. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Buộc chị **N** có trách nhiệm giao cháu **H** cho anh **B** nuôi dưỡng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về tài sản: Chị **N** và anh **B** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Mai Thị N** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003327 ngày 10/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị **Mai Thị N** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Xuân Đài: 01 bản;.
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Long**





























